

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y ; Chuyên ngành: Y tế công cộng

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **ĐỖ THỊ HẠNH TRANG**

2. Ngày tháng năm sinh: **14 tháng 6 năm 1981**;  Nam ; Nữ  Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh** ; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **xã Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội (Hà Tây cũ)**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): **Số nhà 390 phố Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.**

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

**Đỗ Thị Hạnh Trang**

Phòng Quản lý đào tạo,

Trường Đại học Y tế công cộng, số 1A Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0904320132;

E-mail: dtht@huph.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

<b>Thời gian</b>	<b>Công việc, chức vụ</b>	<b>Cơ quan</b>
10/2004-7/2006	Trợ giảng tại Bộ môn Phòng chống thảm họa	Trường Đại học Y tế công cộng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8/2006-10/2014	- Giảng viên tại Bộ môn Phòng chống thảm họa	Trường Đại học Y tế công cộng
11/2014-8/2019	- Phó trưởng Bộ môn Phòng chống thảm họa - Khoa Sức khỏe Môi trường và Nghề nghiệp	Trường Đại học Y tế công cộng
9/2019-3/2020	- Phó trưởng Bộ môn Phòng chống thảm họa - Khoa sức khỏe Môi trường và nghề nghiệp - Chuyên viên phòng Quản lý đào tạo Đại học	Trường đại học Y tế công cộng.
4/2020-12/2020	- Phụ trách, quản lý, điều hành phòng Quản lý đào tạo đại học, - Phó trưởng bộ môn Phòng chống thảm họa - Khoa Sức khỏe Môi trường và Nghề nghiệp	Trường Đại học Y tế công cộng
Tháng 1/2021 đến nay	- Trưởng phòng Quản lý đào tạo - Giảng viên Bộ môn Sức khỏe Môi trường - Khoa Sức khỏe Môi trường và Nghề nghiệp (giảng viên chính từ tháng 1 năm 2021)	Trường Đại học Y tế công cộng

Chức vụ: Hiện nay: **Trưởng phòng Quản lý đào tạo**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Trưởng phòng Quản lý đào tạo**

Cơ quan công tác hiện nay: **Bộ môn Sức khỏe môi trường, Khoa Sức khỏe môi trường và nghề nghiệp, Trường Đại học Y tế công cộng, Bộ Y tế.**

Địa chỉ cơ quan: **số 1A Đức Thắng, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.**

Điện thoại cơ quan: **024 6266 2342**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng đại học ngày **26 tháng 07 năm 2004**; số văn bằng: **990401138**; ngành: **Được**; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **Trường Đại học Được Hà Nội, Việt Nam**

- Được cấp bằng thạc sĩ ngày **22 tháng 07 năm 2010**; ngành: **Y tế công cộng**; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Trường Đại học tổng hợp Melbourne (The University of Melbourne), Úc.**

- Được cấp bằng tiến sĩ ngày **19 tháng 9 năm 2019**; số văn bằng: 9293248; ngành: **Y tế công cộng**; Nơi cấp bằng tiến sĩ (trường, nước): **Trường Đại học Công nghệ Queensland (Queensland University of Technology), Úc.**

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... ,  
ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Y tế công cộng**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Y học**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Sức khoẻ môi trường
- Dịch tễ học về mô hình bệnh tật và các yếu tố nguy cơ của bệnh không lây nhiễm và quản lý bệnh không lây nhiễm
- Chính sách chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và bình đẳng giới
- Phát triển và đánh giá chương trình đào tạo

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **09 HVCH/CK2** bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm **02 đề tài cấp cơ sở**;
- Đã công bố (số lượng) **46** bài báo khoa học, trong đó **13** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **06 (chủ biên 02 giáo trình, tham gia biên soạn 03 giáo trình, tham gia biên soạn 01 sách chuyên khảo)**, trong đó **06** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

15.1. Danh hiệu thi đua

Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định
2013-2014	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 1423/QĐ-YTCC ngày 23/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng
2019 - 2020	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 828/QĐ-ĐHYTCC ngày 30/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng
2021 - 2022	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 1180/QĐ-ĐHYTCC ngày 12/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng
2022 - 2023	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 666/QĐ-ĐHYTCC ngày 12/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng

## 15.2. Hình thức khen thưởng

Năm học	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định
2020 -2021	Giấy khen Hiệu trưởng (viên chức quản lý phòng tiêu biểu)	Quyết định số 740/QĐ-ĐHYTCC ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng
2020-2021	Bằng khen Bộ trưởng Bộ Y tế do đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2020-2021	Quyết định số 489/QĐ-BYT ngày 03/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2022-2023	Bằng khen Bộ trưởng Bộ Y tế do đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học 2022-2023	Quyết định số 582/QĐ-BYT ngày 12/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không có**

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về nhiệm vụ đào tạo, trong suốt hơn 19 năm công tác tại Trường Đại học Y tế công cộng, ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn của giảng viên. Trong các năm công tác với vai trò là giảng viên, ứng viên đều vượt yêu cầu theo quy định về định mức giảng dạy của Trường Đại học Y tế công cộng và của Bộ Giáo dục và đào tạo. Trong giai đoạn đảm nhiệm nhiệm vụ là giảng viên và phó trưởng Bộ môn Phòng chống thảm họa và sau này là giảng viên Bộ môn Sức khỏe môi trường, ứng viên chủ trì, tham gia xây dựng, trực tiếp giảng dạy chính các học phần liên quan đến quản lý y tế trong tình huống khẩn cấp/thảm họa (như Quản lý Y tế công cộng trong tình huống khẩn cấp dành cho Cử nhân Y tế công cộng, Thạc sĩ Y tế công cộng, Chuyên khoa cấp I Y tế công cộng, học phần Bệnh viện ứng phó với thảm họa dành cho Thạc sĩ quản lý bệnh viện, học phần Dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp dành cho Cử nhân Dinh dưỡng), tham gia các các hoạt động đào tạo ngắn hạn cho cán bộ ngành y tế về quản lý y tế trong tình huống khẩn cấp. Bộ môn Phòng chống thảm họa (nay là Bộ môn Sức khỏe môi trường) của Trường đại học Y tế công cộng là đối tác lâu dài với Bộ Y tế và Tổ chức Y tế thế giới trong đào tạo, nâng cao năng lực ngành y tế về quản lý tình huống khẩn cấp. Bên cạnh đó, ứng viên cũng chủ trì, tham gia xây dựng tài

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước liệu giảng dạy các học phần liên quan đến sức khoẻ môi trường khác như Sức khoẻ môi trường, Biến đổi khí hậu, Đánh giá tác động sức khoẻ. Ứng viên đã xuất bản 05 cuốn giáo trình, 01 sách chuyên khảo trong đó có 02 cuốn giáo trình là chủ biên do các nhà xuất bản uy tín xuất bản. Trong giai đoạn kiêm nhiệm quản lý đào tạo, ứng viên cũng là thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo của một số chương trình đào tạo mới quan trọng của Trường Đại học Y tế công cộng như Thạc sĩ Dinh dưỡng, Thạc sĩ Công tác xã hội, là thành viên Ban soạn thảo Chuẩn Chương trình đào tạo Cử nhân Y tế công cộng (đã được Hội đồng tư vấn xây dựng chuẩn chương trình đào tạo ngành y tế nghiệm thu, chuẩn bị được Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành áp dụng trong cả nước). Ứng viên cũng hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp cho sinh viên cử nhân Y tế công cộng (02 sinh viên), hướng dẫn thực hiện luận văn cho học viên sau đại học (đã hướng dẫn thành công 07 học viên thạc sĩ Y tế công cộng và 02 học viên Chuyên khoa cấp II Tổ chức quản lý y tế), tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, CKII và luận án tiến sĩ của Trường Đại học Y tế công cộng và cũng như cơ sở đào tạo khác trong nước.

- Về công tác nghiên cứu khoa học, ứng viên đã chủ trì 02 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, tham gia nhiều đề tài nghiên cứu trong nước và hợp tác quốc tế liên quan đến các hướng nghiên cứu chính gồm sức khoẻ môi trường, dịch tễ học về mô hình bệnh tật và các yếu tố nguy cơ của bệnh không lây nhiễm và quản lý bệnh không lây nhiễm, chính sách chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và bình đẳng giới, phát triển và đánh giá chương trình đào tạo. Ứng viên đã xuất bản 46 bài báo trên các tạp chí khoa học, trong số đó có 13 bài xuất bản trên các tạp chí quốc tế trong danh mục ISI/Scopus với 06 bài là tác giả chính.

- Ứng viên luôn giữ vững phẩm chất đạo đức, uy tín của một giảng viên đại học và cán bộ quản lý cấp bộ môn, cấp phòng, không vụ lợi, luôn cố gắng nỗ lực nâng cao năng lực chuyên môn cũng như quản lý, đóng góp vào sự phát triển chung của ngành Y tế công cộng tại Việt Nam. Những đóng góp của ứng viên đã được cấp trên và đồng nghiệp ghi nhận, thể hiện qua các danh hiệu thi đua, khen thưởng.

- Ứng viên tự đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt tiêu chuẩn của một giảng viên đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn <sup>1</sup>	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức <sup>2</sup>
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019	0	0	0	0	172,4	15	187,4/202,4/135 <sup>3</sup>
2	2019-2020	0	0	0	0	133,6	0	133,6/146,1/109,62 <sup>4</sup>
3	2020-2021	0	0	0	01	102,5	67,5	170/182/77,5 <sup>5</sup>
03 năm học cuối								
4	2021-2022	0	0	05	0	123	0	123/298/77,5 <sup>6</sup>
5	2022-2023	0	0	02	0	95,4	105	200,4/270,4/77,5 <sup>7</sup>

6	2023-2024	0	0	02	0	113,3	67,5	180,8/250,8/77,5 <sup>8</sup>
---	-----------	---	---	----	---	-------	------	-------------------------------

Ghi chú:

<sup>1</sup> Hướng dẫn độc lập tất cả luận văn cao học, chuyên khoa II và khoá luận tốt nghiệp đại học.

<sup>2</sup> - Trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; và Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Y tế công cộng ban hành theo Quyết định số 205/QĐ-ĐHYTCC ngày 06/02/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Y tế công cộng ban hành kèm theo Quyết định số 07/QĐ-HĐT ngày 18/9/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng.

<sup>3</sup> Định mức giờ chuẩn 50% do đi học nước ngoài đến tháng 11/2018 theo Quyết định số 768/QĐ-ĐHYTCC ngày 16/7/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng về việc cử viên chức đi công tác, học tập ở nước ngoài (học Tiến sĩ).

<sup>4</sup> Định mức giờ chuẩn 40,6% do kiêm nhiệm chuyên viên Phòng Quản lý đào tạo Đại học (trong 6 tháng, hưởng định mức giảng dạy 51% theo Quyết định số 1121/QĐ-ĐHYTCC ngày 16/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng về việc phân công kiêm nhiệm công tác tại phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trường Đại học Y tế công cộng) và Phụ trách, quản lý điều hành phòng Quản lý đào tạo (4 tháng, hưởng định mức giảng dạy 50% theo Quyết định số 238/QĐ-ĐHYTCC ngày 08/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng về việc phân công Phụ trách quản lý, điều hành Phòng Quản lý Đào tạo Đại học, Trường Đại học Y tế công cộng)

<sup>5,6,7,8</sup> - Giảng viên chính (từ tháng 1/2020 theo Quyết định số 5645/QĐ-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp giảng viên chính).

- Định mức giờ chuẩn 25% do kiêm nhiệm Phụ trách, quản lý điều hành phòng Quản lý đào tạo đại học (đến tháng 12/2020) và Trưởng phòng Quản lý đào tạo (từ tháng 1/2021 theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐT ngày 31/12/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y tế công cộng về việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Quản lý Đào tạo)

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận văn.  ThS tại nước Úc năm 2010  và luận án TS; tại nước Úc năm 2019.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

#### 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 7.5

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... (theo quyết định phân công hướng dẫn của cơ sở đào tạo)	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Tô Minh Hùng		CK2	√		02/2020 – 09/2020	Trường ĐHYTCC	Cấp bằng theo quyết định số 475/ QĐ-ĐHYTCC ngày 03/08/2021
2	Nguyễn Thành Mạnh		CK2	√		02/2020 – 09/2020	Trường ĐHYTCC	Cấp bằng theo quyết định số 127/ QĐ-ĐHYTCC ngày 03/03/2022
3	Nguyễn Thị Ngọc		CH	√		12/2020- 6/2021	Trường ĐHYTCC	Cấp bằng theo quyết định số 1089/ QĐ- ĐHYTCC ngày 31/12/2021
4	Nguyễn Thị Minh Đức		CH	√		12/2020- 6/2021	Trường ĐHYTCC	Cấp bằng theo quyết định số 177/ QĐ-ĐHYTCC ngày 21/3/2022
5	Nguyễn Thanh Nam		CH	√		12/2021- 7/2022	Trường ĐHYTCC	Cấp bằng theo quyết định số 1437/ QĐ- ĐHYTCC ngày 21/12/2022
6	Nguyễn Thị Lan Thu		CH	√		12/2021- 7/2022	Trường ĐHYTCC	Cấp bằng theo quyết định số 1087/ QĐ- ĐHYTCC ngày 20/9/2022
7	Phạm Xuân Hòa		CH	√		12/2021- 7/2022	Trường ĐHYTCC	Cấp bằng theo quyết định số 240/ QĐ-ĐHYTCC ngày 12/4/2023
8	Trần Quang Điện		CH	√		8/2021- 11/2023	Trường ĐHYTCC	Cấp bằng theo quyết định số 62/ QĐ-ĐHYTCC ngày 29/01/2024
9	Maniphone Phimalien		CH	√		8/2021- 11/2023	Trường ĐHYTCC	Cấp bằng theo quyết định số 62/

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

								QĐ-ĐHYTCC ngày 29/01/2024
--	--	--	--	--	--	--	--	------------------------------

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Quá trình chính sách chăm sóc sức khỏe bà mẹ tại Việt Nam và một số bài học kinh nghiệm	CK	Nhà xuất bản Y học, 2015	07		110-135	* Biên bản 08/BB-HĐKHĐT ngày 22/9/2015 * Xác nhận sử dụng sách ngày 12/6/2024
II	Sau khi được công nhận TS						
2	Đánh giá tác động sức khỏe: giáo trình giảng dạy Thạc sĩ Y tế công cộng và Cử nhân Công nghệ Kỹ thuật môi trường	GT	Nhà xuất bản Y học, 2023	10		97-106	* Biên bản số 02/BB-HĐKHĐTTCN ngày 24/2/2023 * Quyết định sử dụng sách số 206/QĐ-ĐHYTCC ngày 15/5/2023
3	Biến đổi khí hậu và sức khỏe: giáo trình giảng dạy Thạc sĩ Y tế công cộng	GT	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2023	08	Chủ biên	130-199	* Biên bản số 05/BB-HĐKHĐTTCN ngày 24/4/2023 * Quyết định sử dụng sách số 421/QĐ-ĐHYTCC ngày 12/7/2023
4	Sức khỏe môi trường 1: giáo trình giảng dạy cử nhân Y tế công cộng	GT	Nhà xuất bản Y học, 2024	09		145-168	* Biên bản số 04/BB-HĐKHĐTTCN ngày 1/4/2024 * Quyết định sử dụng sách số 376/QĐ-ĐHYTCC ngày 10/6/2024
5	Sức khỏe môi trường 2: giáo trình giảng dạy cử nhân Y tế công cộng	GT	Nhà xuất bản Y học, 2024	07		28-53	* Biên bản số 05/BB-HĐKHĐTTCN ngày 24/4/2024 * Quyết định sử dụng sách số 381/QĐ-ĐHYTCC ngày 12/6/2024
6	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm trong tình huống khẩn	GT	Nhà xuất bản Y học, 2024	02	Chủ biên	11-95	* Biên bản số 09/BB-HĐKHĐTTCN ngày 30/7/2020



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

cấp: giáo trình giảng dạy cử nhân dinh dưỡng						* Quyết định sử dụng sách số 401/QĐ-ĐHYTCC ngày 18/6/2024
--	--	--	--	--	--	---

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 0

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Thực trạng công tác thống kê báo cáo về thảm họa tự nhiên và tử vong do thảm họa tự nhiên tại Việt Nam từ 2002 đến 2011	Tham gia	Mã số: 2013-CS-07 Đề tài cấp cơ sở	04/2013-12/2014	Nghiệm thu ngày 15/01/2014 (theo QĐ thành lập Hội đồng nghiệm thu số 41/QĐ-ĐHYTCC ngày 14/01/2014 Xếp loại: Khá
2	Tình trạng dinh dưỡng trẻ em và an ninh thực phẩm hộ gia đình 8 tháng sau lũ lụt lịch sử năm 2013 tại tỉnh Quảng Bình	Đồng CN	Mã số: 2014-CS-04 Đề tài cấp cơ sở	05/2014-12/2014	Nghiệm thu ngày 19/12/2014 (theo QĐ thành lập Hội đồng nghiệm thu số 1342/QĐ-ĐHYTCC) Xếp loại: Khá
3	Chuẩn hoá bộ công cụ Pediatric Quality of Life Inventory version 4.0 (PedsQL 4.0) đo lường chất lượng cuộc sống của trẻ béo phì từ 8-12 tuổi	Tham gia	Mã số: 2017-CS-10 Đề tài cấp cơ sở	06/2017-3/2018	Nghiệm thu ngày 02/04/2018 (theo QĐ thành lập Hội đồng nghiệm thu số 551/QĐ-ĐHYTCC ngày 28/3/2018 Xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận TS				
4	Đánh giá các học phần về phương pháp nghiên cứu khoa học trong các chương trình đào tạo Thạc sĩ Y tế công cộng và Thạc sĩ Quản lý bệnh viện của Trường Đại học Y tế công cộng	CN	Mã số: CS 23.24-07 Đề tài cấp cơ sở	12/2023-8/2024	Nghiệm thu ngày 20/06/2024 (theo QĐ thành lập Hội đồng nghiệm thu số 395/QĐ-ĐHYTCC ngày 17/6/2020 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) (tại thời điểm công bố)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS (24 bài)</b>							
<b>A</b>	<b>Bài báo xuất bản trên các tạp chí quốc tế (6 bài)</b>							
1	Determinants of condom use at sexual debut among young Vietnamese	03	Tác giả chính	International Journal of Adolescent Medicine and Health	Scopus (Q3, IF=0,957)	14	Tập 26, số 3, trang 403-410	01/2014
2	Is obesity associated with decreased health-related quality of life in school-age children? - Results from a survey in Vietnam	03		AIMS public health	ISI, Scopus (Q2 IF=3,3)	10	Tập 5, số 4, trang 338-351	09/2018
3	Trauma Exposure and Mental Health Problems Among Adults in Central Vietnam: A Randomized Cross-Sectional Survey	03	Tác giả chính	Frontiers in Psychiatry	ISI, Scopus (Q1, IF=4,7)	37	Tập số 10, trang 1-13	02/2019
4	Depression and associated factors among infertile women at Tu Du hospital, Vietnam: a cross-sectional study	05		International Journal of Women's Health	Scopus (Q1, IF=2,3)	40	Tập số 11, trang 343-351	05/2019
5	Domestic violence and its association	05		International Journal of	Scopus (Q1, IF=2,3)	10	Tập số 11, trang 501-510	08/2019

	with pre-term or low birthweight delivery in Vietnam			Women's Health				
6	Validation of Vietnamese version of Pediatric Quality of Life Inventory version 4.0 generic score scale among school children	03	Tác giả chính	Southeast Asian Journal of Tropical Medicine and Public Health	ISI (Q3, IF=0.245)	03	Tập 50, số 5, trang 942-951	9/2019
<b>B</b>	<b>Bài báo xuất bản trên các tạp chí của Việt Nam (18 bài)</b>							
7	Nghiên cứu sự biến đổi một số chỉ số sinh hoá để đánh giá chức năng gan thận trong 1 tháng đầu điều trị bằng thuốc chống lao ở bệnh nhân lao phổi AFB (+)	02		Tạp chí Y học thực hành			Số 3(650)/2009, trang 73-76	3/2009
8	Quá trình hoạch định chính sách tại Việt Nam: nghiên cứu trường hợp về Luật phòng chống bạo lực gia đình	03		Tạp chí Nghiên cứu Y học			Tập 77, Số 6 năm 2011, trang 135-143	12/2011
9	Sử dụng dịch vụ chẩn đoán giới tính khi sinh tại nông thôn Việt Nam: nghiên cứu trường hợp tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.	3		Tạp chí Y học thực hành			Số 3(864)/2013, trang 136-139	3/2013

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

10	Tác động tâm lý, sức khỏe tâm thần của thảm họa sập cầu treo tại xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, ngày 24 tháng 2 năm 2014	03		Tạp chí Y học thăm học và Bông			Số 3/2014, trang: 7-13	3/2014
11	Suy dinh dưỡng ở trẻ em 6-59 tháng tuổi sau bão lũ tại xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình năm 2013	04	Tác giả chính	Tạp chí Y học cộng đồng			Số 15+16 tháng 1- 2/2015, trang 34-39	2/2015
12	Tác động của các can thiệp về nước sạch, vệ sinh môi trường lên nhiễm giun ở trẻ em dưới 5 tuổi tại 5 tỉnh Điện Biên, Kon Tum, Ninh Thuận, Đồng Tháp và An Giang	08	Tác giả chính	Tạp chí Y học thực hành			Số 5(965)/2015, trang 139- 142	5/2015
13	Một số yếu tố ảnh hưởng việc thực hiện chính sách cấm chẩn đoán giới tính trước sinh tại Việt Nam	02		Tạp chí Y học thực hành			Số 5 (964), 2015, trang 52-55	5/2015
14	Phân tích quá trình thực hiện chính sách cấm chẩn đoán giới tính trước sinh tại Việt Nam	02		Tạp chí Y học thực hành			Số/ 5(963) /2015, trang 27-30	5/2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

15	Tổng quan về thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng tới rối loạn căng thẳng sau chấn thương tâm lý (PTSD) sau thiên tai tại Châu Á	02	Tác giả chính	Tạp chí Y học lâm học và Bông			Số 3/2016, trang 10-19	6/2016
16	Thực trạng quan hệ tình dục trước hôn nhân và một số yếu tố liên quan của sinh viên trường Đại học Nội Vụ năm 2015	04	Tác giả chính	Tạp chí Y tế công cộng			Số tháng 3/2016 (số đặc biệt), trang 117-123	3/2016
17	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ 6-24 tháng tuổi tại xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang năm 2016	03		Tạp chí Dinh dưỡng và thực phẩm			Tập 13, số 1, trang 1-7	3/2017
18	Tác động tâm lý của thiên tai lên người dân tại 2 tỉnh miền Trung Việt Nam	03	Tác giả chính	Tạp chí Y học dự phòng			Tập 27, số 5/2017 (số đặc biệt Y tế công cộng – nghiên cứu và ứng dụng), trang 130-135	5/2017
19	Kiến thức, thực hành phòng biến chứng tăng huyết áp ở bệnh nhân tăng huyết áp đang điều trị ngoại trú tại huyện Tân Yên, Bắc Giang	03	Tác giả chính	Tạp chí Y học thực hành			Số 4 (1039)/2017, trang 17-19	4/2017

20	Handwashing with soap practices among care takers of children under five years of age in five provinces in Vietnam	10		Vietnam Journal of Preveventive Medicine (English version)			Tập 27, số 4, trang 101-110 (số tiếng Anh)	6/2017
21	Đặc điểm dinh dưỡng của học sinh 2 trường tiểu học tại Hà Nội năm 2017	05		Tạp chí Khoa học nghiên cứu sức khoẻ và phát triển			Tập 2, số 1/2018, trang 66-72	3/2018
22	Thực hành chăm sóc dự phòng viêm phổi liên quan đến thở máy của điều dưỡng và yếu tố liên quan tại các khoa hồi sức, bệnh viện Nhi Trung ương	03	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học nghiên cứu sức khoẻ và phát triển			Tập 2, số 1/2018, trang 15-24	3/2018
23	Kiến thức, thực hành về chăm sóc dự phòng viêm phổi thở máy của điều dưỡng tại các khoa hồi sức bệnh viện Nhi Trung Ương năm 2017	03		Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam			Số 22 năm 2018, trang 10-16	4/2018
24	Thích ứng thang đo DMC-II vào đánh giá sự phát triển của trẻ ở 9 tháng tuổi tại khu vực nông thôn Việt Nam	04		Tạp chí Y tế công cộng			Số 48, trang 14-22	6/2019
<b>II</b>	<b>SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS (22 bài)</b>							
<b>A</b>	<b>Bài báo xuất bản trên các tạp chí quốc tế (7 bài)</b>							

25	Training need assessment for a master training program in Environmental Health program in Vietnam	10		AIMS Public Health	ISI, Scopus (Q2, IF=3,3)	01	Tập 7, số 1, trang: 197-212	03/2020
26	Realist evaluation to improve health systems responsiveness to neglected health needs of vulnerable groups in Ghana and Vietnam: study protocol	17		PloS One	ISI, Scopus (Q1, IF=3,7)	08	Tập số 16, số 1, trang: 1-21	01/2021
27	Protocol for a realist synthesis of health systems responsiveness in low-income and middle-income countries	17		BMJ open	ISI, Scopus (Q1, IF=2,9)	02	Tập 11, trang:1-8	6/2021
28	Depressive symptoms and their correlates among older people in rural Viet Nam: a study highlighting the role of family factors	03	Tác giả chính	Health Service Insights	ISI (Q2, IF=2,4)	05	Tập 15, trang: 1-7	9/2022
29	Eating and Mealtime Behaviors in Vietnamese Children with Autism Spectrum Disorder: A Study Using the Brief Autism	04		Current Nutrition & Food Science	ISI, Scopus (Q2, IF=0,9)	0	Tập 19, Số 8, trang: 845-852	1/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Mealtime Behaviors Inventory							
30	Using the WHO Self-Reporting Questionnaire-20 (SRQ-20) to Detect Symptoms of Common Mental Disorders among Pregnant Women in Vietnam: a Validation Study	13	Tác giả chính	International Journal of Women's Health	Scopus (Q1, IF=2,3)	04	Tập 15, trang: 599-609	4/2023
31	Understanding barriers to Integration of maternal and mental health at primary health care in Vietnam	12	Tác giả chính	Health Policy and Planning	ISI (Q1, IF=3,2)	0	Tập 39, trang: 541-551	4/2024
B	<b>Bài báo xuất bản trên các tạp chí Việt Nam (15 bài)</b>							
32	Thực trạng nhiễm giun truyền qua đất và một số yếu tố liên quan của học sinh tiểu học tại tỉnh Quảng Ninh năm 2018	03		Tạp chí Y tế công cộng			Số 50, trang 63-73	12/2019
33	Đánh giá nhu cầu nhân lực ngành công nghệ kỹ thuật môi trường	09		Tạp chí Y học cộng đồng			Số 6 (53) tháng 11+ 12/2019, trang: 106-109	12/2019
34	Nhu cầu đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường	09		Tạp chí Y học cộng đồng			Số 2 (55) tháng 3+4/2020, trang: 101-105	4/2020



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

35	Khoảng trống năng lực ngành công nghệ kỹ thuật môi trường	9		Tạp chí Y học cộng đồng			Số 2 (55) tháng 3+4/2020, trang: 95-100	4/2020
36	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm giun truyền qua đất ở trẻ từ 24 đến 59 tháng tuổi tại huyện Mù Cang Chải và Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	02	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học sức khỏe và phát triển			Tập 4, số 2/2020, trang 66-72	6/2020
37	Thực trạng điều kiện an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	02	Tác giả chính	Tạp chí Y tế công cộng			Số 54, trang 44-53	3/2021
38	Thực hành dinh dưỡng của người bệnh đái tháo đường type 2 tại xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre	02	Tác giả chính	Tạp chí Y tế công cộng			Số 55, trang 43-52	6/2021
39	Thực hành hỗ trợ tuân thủ điều trị của người chăm sóc chính người bệnh tâm thần phân liệt quản lý tại trạm y tế xã, phường, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình năm 2021	02	Tác giả chính	Tạp chí Y tế công cộng			Số 58, trang 57-65	3/2022
40	Thực trạng điều kiện an	02		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 513, số 2/2022,	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	toàn thực phẩm của bếp ăn tập thể khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh						trang 138-142	
41	Một số yếu tố ảnh hưởng đến điều kiện an toàn thực phẩm của bếp ăn tập thể khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh	02		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 513, số 2/2022, trang 281-285	4/2022
42	Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ của người bệnh ung thư tại Trung tâm Ung bướu Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2021	02		Tạp chí Y học Việt Nam			Tập 514, số 1/2022, trang 195-199	5/2022
43	Tỷ lệ tiêm vaccine bạch hầu cho trẻ 1-5 tuổi và một số yếu tố ảnh hưởng tại các xã miền núi huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, năm 2022	02	Tác giả chính	Tạp chí Y tế công cộng			Số 63, trang 14-22	6/2023
44	Điều kiện an toàn thực phẩm của các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, năm 2023	02		Tạp chí Y học cộng đồng			Tập 65, số 1/2024, trang 157-164	2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

45	Kiến thức về phòng bệnh sốt xuất huyết Dengue của học sinh trường Trung học cơ sở xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, năm 2022	02	Tác giả chính	Tạp chí y học cộng đồng		Tạp 65, số 4/2024, trang 51-58	2024
46	Kiến thức, thực hành phòng bệnh sốt xuất huyết Dengue của người dân tại xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà năm 2023 và một số yếu tố liên quan	04		Tạp chí Nghiên cứu sức khoẻ và phát triển		Tạp 8, số 3	2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **03 (các bài báo số 28, 30, 31)**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ	Tham gia	Quyết định số 555/QĐ-ĐHYTCC ngày 15/8/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHYTCC về	Trường ĐHYTCC	*Biên bản số 22/BB-HĐKHĐTCN ngày 29/11/2022 của Hội đồng KHĐTCN Trường	

			việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ của Trường ĐHYTCC		ĐHYTCC về việc thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Dinh dưỡng trình độ thạc sĩ  *Quyết định số 1370/QĐ-ĐHYTCC ngày 7/12/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHYTCC về việc ban hành chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ thạc sĩ của Trường ĐHYTCC	
2	Chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ thạc sĩ	Tham gia	Quyết định số 661/QĐ-ĐHYTCC ngày 11/10/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHYTCC về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ thạc sĩ của Trường ĐHYTCC	Trường ĐHYTCC	*Biên bản số 02/BB-HĐKHĐTCN ngày 29/1/2024 của Hội đồng KHĐTCN Trường ĐHYTCC về việc thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo Công tác xã hội trình độ thạc sĩ  *Quyết định số 1370/QĐ-ĐHYTCC ngày 7/12/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHYTCC về việc ban hành chương trình đào tạo Công tác xã hội trình độ thạc sĩ của	

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

					Trường ĐHYTCC	
3	Chuẩn chương trình đào tạo Y tế công cộng trình độ đại học	Tham gia	Quyết định số 556/QĐ-ĐHYTCC ngày 15/8/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHYTCC về việc thành lập Ban soạn thảo Chuẩn chương trình đào tạo Cử nhân Y tế công cộng	Hội đồng tư vấn xây dựng chuẩn chương trình đào tạo khối ngành sức khỏe	*Biên bản họp Hội đồng tư vấn xây dựng Chuẩn chương trình đào tạo khối ngành sức khỏe nghiệm thu dự thảo chuẩn chương trình đào tạo ngành Y tế công cộng và ngành Dinh dưỡng ngày 17/4/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:  
Không có

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**Đỗ Thị Hạnh Trang**